

While solo travel has its appeal, it comes with obstacles, such as (7) _____ safe areas and sorting out accommodations. These initial challenges can cause (8) _____ confusion with budgeting and scheduling. Planning everything on your own is often much more stressful and time-consuming.

Tour Benefits:

- **Stress-Free Planning:** Forget about (9) _____ all the details yourself. Let our team take care of the logistics so you can focus on enjoying your trip.
- **Expert Guidance:** Gain unique (10) _____ about each destination from experienced local guides. (11) _____ you might miss out on valuable knowledge and tips that aren't found in guidebooks.
- **Variety of Choices:** Group tours offer a wide (12) _____ of options, ensuring something for every traveler.

DỊCH BÀI:

Ưu điểm của việc tham gia chuyến tham quan theo nhóm? Khám phá những trải nghiệm du lịch thoải mái và phong phú.

Những hạn chế của việc đi du lịch một mình:

Mặc dù đi du lịch một mình có sức hấp dẫn nhưng nó cũng có những trở ngại, chẳng hạn như việc tìm ra khu vực an toàn và sắp xếp chỗ ở. Những thách thức ban đầu này có thể gây ra nhiều sự nhầm lẫn trong việc lập ngân sách và lập kế hoạch. Việc tự mình lên kế hoạch cho mọi việc thường căng thẳng và tốn thời gian hơn nhiều.

Quyền lợi của tour du lịch:

Lập kế hoạch thoải mái: Hãy quên việc tự mình xử lý mọi chi tiết. Hãy để nhóm của chúng tôi lo khâu hậu cần để bạn có thể tập trung tận hưởng chuyến đi của mình.

Sự hướng dẫn của chuyên gia: Có được sự hiểu biết sâu sắc về chi tiết độc đáo về từng điểm đến từ các hướng dẫn viên địa phương giàu kinh nghiệm. Hoặc là, bạn có thể bỏ lỡ những kiến thức và mẹo quý giá không có trong sách hướng dẫn.

Nhiều lựa chọn: Tour du lịch theo nhóm mang đến nhiều lựa chọn đa dạng, đảm bảo phù hợp cho mọi du khách.

Question 7 [695607]: A. cutting out B. breaking down **C. running out** D. figuring out

Kiến thức về lượng từ:

Xét các đáp án:

- A. each + N đếm được số ít: mỗi/mọi
- B. a few + N đếm được số nhiều: một ít
- C. a lot of + N đếm được số nhiều/không đếm được: nhiều
- D. a number of + N đếm được số nhiều: nhiều

Căn cứ vào danh từ không đếm được “confusion” đứng sau vị trí chỗ trống và nghĩa ⇒ loại A, B, D.

Tạm dịch: “These initial challenges can cause (8) confusion with budgeting and scheduling.” (Những thách thức ban đầu này có thể gây ra nhiều sự nhầm lẫn trong việc lập ngân sách và lập kế hoạch.)

Do đó, C là đáp án phù hợp.

Question 8 [695608]: A. each B. a few **C. a lot of** D. a number of

Kiến thức về lượng từ:

Xét các đáp án:

- A. each + N đếm được số ít: mỗi/mọi
- B. a few + N đếm được số nhiều: một ít
- C. a lot of + N đếm được số nhiều/không đếm được: nhiều
- D. a number of + N đếm được số nhiều: nhiều

Căn cứ vào danh từ không đếm được “confusion” đứng sau vị trí chỗ trống và nghĩa ⇒ loại A, B, D.

Tạm dịch: “These initial challenges can cause (8) confusion with budgeting and scheduling.” (*Những thách thức ban đầu này có thể gây ra nhiều sự nhầm lẫn trong việc lập ngân sách và lập kế hoạch.*)

Do đó, C là đáp án phù hợp.

Question 9 [695609]: A. handling B. composing C. exploring D. settling

Kiến thức về từ vựng – nghĩa của từ:

Xét các đáp án:

A. *handle* /'hændl/ (v): vận dụng, xử lý

B. *compose* /kəm'pəʊz/ (v): sáng tác

C. *explore* /ɪk'splɔ:(r)/ (v): khám phá

D. *settle* /'setl/ (v): định cư

Tạm dịch: “Forget about (9) all the details yourself.” (*Hãy quên việc tự mình xử lý mọi chi tiết.*)

Căn cứ vào nghĩa, A là đáp án phù hợp.

Question 10 [695610]: A. visions B. insights C. theories D. majors

Kiến thức về từ vựng – nghĩa của từ:

Xét các đáp án:

A. *vision* /'vɪʒn/ (n): thị lực, tầm nhìn

B. *insight* /'ɪnsaɪt/ (n): sự thấu hiểu, sự sáng suốt

C. *theory* /'θiəri/ (n): lý thuyết

D. *major* /'meɪdʒə/ (n): chuyên ngành

Tạm dịch: “Gain unique (10) _____ about each destination from experienced local guides.” (*Có được sự hiểu biết sâu sắc về chi tiết độc đáo về từng điểm đến từ các hướng dẫn viên địa phương giàu kinh nghiệm.*)

Do đó, B là đáp án phù hợp.

Question 11 [695611]: A. Therefore B. Accordingly C. Consequently D. Otherwise

Kiến thức về liên từ:

Xét các đáp án:

A. *Therefore* /'ðeəfɔ:(r)/ (adv): do đó, do vậy

B. *Accordingly* /ə'kɔ:dnɪli/ (adv): do đó, cho nên

C. *Consequently* /'kɒnsɪkwəntli/ (adv): do đó, do vậy

D. *Otherwise* /'ʌðəwaɪz/ (adv): nếu không thì

Tạm dịch: “(11), you might miss out on valuable knowledge and tips that aren't found in guidebooks.” (*Nếu không thì, bạn có thể bỏ lỡ những kiến thức và mẹo quý giá không có trong sách hướng dẫn.*)

Căn cứ vào nghĩa, D là đáp án phù hợp.

Question 12 [695612]: A. amount B. level C. range D. rate

Kiến thức về từ cùng trường nghĩa:

Xét các đáp án:

A. *amount* /ə'maʊnt/ (n): một lượng

⇒ the amount of + N không đếm được: một lượng gì

B. *level* /'levəl/ (n): mức độ, trình độ

C. *range* /reɪndʒ/ (n): loại, phạm vi

⇒ a (wide) range of sth: nhiều, hàng loạt

D. *rate* /reɪt/ (n): tỷ lệ, tốc độ

⇒ rate of sth: tỷ lệ của cái gì

Tạm dịch: “Group tours offer a wide (12) _____ of options, ensuring something for every traveler.” (*Tour du lịch theo nhóm mang đến nhiều lựa chọn đa dạng, đảm bảo phù hợp cho mọi du khách.*)

⇒ - Căn cứ vào nghĩa, ta cần điền vào vị trí chỗ trống một từ để câu mang nghĩa “nhiều lựa chọn”, mà “options” là danh từ đếm được số nhiều.

- Ở trước vị trí cần điền là cụm từ “a wide” và ở sau vị trí cần điền là giới từ “of”.
⇒ ta dùng “range”.

Do đó, C là đáp án phù hợp.

Mark the letter A, B, C or D on your answer sheet to indicate the best arrangement of utterances or sentences to make a meaningful exchange or text in each of the following questions from 13 to 17.

Question 13 [695613]:

a. Karen: Hi Thomas! Oh my gosh, it's been ages! I've been well, thanks. How about you? And how's your family?

b. Thomas: Hi Karen! It's so good to see you after so long! How have you been?

c. Thomas: I'm doing great, thank you! Everyone's doing well—my parents are enjoying retirement, and my brother just moved back to town.

A. c-a-b

B. b-c-a

C. c-b-a

D. b-a-c

Kiến thức về sắp xếp câu tạo thành đoạn hội thoại:

Để tạo nên một đoạn văn/lời kể/ đoạn hội thoại hoàn chỉnh, ta sắp xếp chúng sao cho phù hợp về mặt ngữ nghĩa, ngữ pháp, câu sau là sự tiếp nối về nội dung với câu trước.

⇒ Ta có cách sắp xếp hoàn chỉnh:

b. Thomas: Hi Karen! It's so good to see you after so long! How have you been? (*Thomas: Chào Karen! Thật vui khi gặp lại bạn sau ngần ấy thời gian! Bạn dạo này thế nào?*)

a. Karen: Hi Thomas! Oh my gosh, it's been ages! I've been well, thanks. How about you? And how's your family? (*Karen: Chào Thomas! Trời ơi, lâu lắm rồi! Mình khỏe, cảm ơn bạn. Còn bạn thì sao? Gia đình bạn thế nào?*)

c. Thomas: I'm doing great, thank you! Everyone's doing well—my parents are enjoying retirement, and my brother just moved back to town. (*Thomas: Mình rất ổn, cảm ơn nhé! Mọi người trong gia đình đều khỏe — ba mẹ mình đang tận hưởng thời gian nghỉ hưu, và anh trai mình vừa chuyển về thành phố.*)

Vậy ta có thứ tự sắp xếp đúng là: **b-a-c**

Do đó, D là đáp án phù hợp.

Question 14 [695614]:

a. Steven: Malala Yousafzai. Her courage in fighting for girls' education is incredible.

b. Paul: Absolutely, she's a true role model. Do you think her story has influenced more young people to stand up for their beliefs?

c. Steven: Have you heard Elon Musk's story? He faced so many challenges to make an impact.

d. Paul: Yes, I admire his determination. Who else do you find inspiring?

e. Steven: Definitely. I think her story empowers people to make a difference no matter how tough the circumstances.

A. c-d-a-b-e

B. c-b-a-d-e

C. e-b-a-d-c

D. e-d-c-a-b

Kiến thức về sắp xếp câu tạo thành đoạn hội thoại:

Để tạo nên một đoạn văn/lời kể/ đoạn hội thoại hoàn chỉnh, ta sắp xếp chúng sao cho phù hợp về mặt ngữ nghĩa, ngữ pháp, câu sau là sự tiếp nối về nội dung với câu trước.

⇒ Ta có cách sắp xếp hoàn chỉnh:

- c. Steven: Have you heard Elon Musk's story? He faced so many challenges to make an impact. *(Steven: Bạn đã nghe câu chuyện của Elon Musk chưa? Anh ấy đã đối mặt với rất nhiều thử thách để tạo ra ảnh hưởng.)*
- d. Paul: Yes, I admire his determination. Who else do you find inspiring? *(Paul: Đúng vậy, mình ngưỡng mộ sự quyết tâm của anh ấy. Còn ai khác mà bạn thấy truyền cảm hứng?)*
- a. Steven: Malala Yousafzai. Her courage in fighting for girls' education is incredible. *(Steven: Malala Yousafzai. Lòng dũng cảm của cô ấy trong cuộc đấu tranh vì giáo dục cho các bé gái thật phi thường.)*
- b. Paul: Absolutely, she's a true role model. Do you think her story has influenced more young people to stand up for their beliefs? *(Paul: Hoàn toàn đồng ý, cô ấy là một hình mẫu thực sự. Bạn có nghĩ rằng câu chuyện của cô ấy đã ảnh hưởng đến nhiều người trẻ hơn trong việc bảo vệ niềm tin của họ không?)*
- e. Steven: Definitely. I think her story empowers people to make a difference no matter how tough the circumstances. *(Steven: Chắc chắn rồi. Mình nghĩ câu chuyện của cô ấy khích lệ mọi người tạo nên sự khác biệt dù hoàn cảnh có khó khăn đến đâu.)*

Vậy ta có thứ tự sắp xếp đúng là: **c-d-a-b-e**

Do đó, A là đáp án phù hợp.

Question 15 [695615]:

Hi Emily,

- a. Remember, asking questions is the best way to learn.
- b. I heard you've started a new internship, and I just wanted to get in touch to see how it's going.
- c. Everyone understands you're still learning, so don't feel pressured to know everything.
- d. If you need any advice, feel free to contact me. I'm always here to help whenever you need it
- e. Starting something new can be overwhelming at first, but it's also a great opportunity for growth. Good luck with everything!

Kind regards,

Alex

A. b-d-c-a-e

B. c-a-d-e-a

C. e-b-c-a-d

D. b-e-c-a-d

Kiến thức về sắp xếp câu tạo thành đoạn hội thoại:

Để tạo nên một đoạn văn/lời kể/ đoạn hội thoại hoàn chỉnh, ta sắp xếp chúng sao cho phù hợp về mặt ngữ nghĩa, ngữ pháp, câu sau là sự tiếp nối về nội dung với câu trước.

⇒ Ta có cách sắp xếp hoàn chỉnh:

- b. Hi Emily, I heard you've started a new internship, and I just wanted to get in touch to see how it's going *(Mình nghe nói bạn đã bắt đầu một kỳ thực tập mới và mình chỉ muốn liên lạc để xem mọi việc thế nào.)*
- e. Starting something new can be overwhelming at first, but it's also a great opportunity for growth. *(Bắt đầu một điều mới có thể gây choáng ngợp lúc đầu, nhưng đó cũng là cơ hội tuyệt vời để phát triển.)*
- c. Everyone understands you're still learning, so don't feel pressured to know everything. *(Mọi người đều hiểu rằng bạn vẫn đang học hỏi, nên đừng cảm thấy áp lực phải biết mọi thứ.)*
- a. Remember, asking questions is the best way to learn. *(Hãy nhớ rằng, đặt câu hỏi là cách tốt nhất để học hỏi.)*
- d. If you need any advice, feel free to contact me. I'm always here to help whenever you need it *(Nếu bạn cần bất kỳ lời khuyên nào, cứ thoải mái liên lạc với mình. Mình luôn ở đây để giúp đỡ bạn bất cứ khi nào bạn cần.)*
- Good luck with everything! *(Chúc bạn may mắn với mọi thứ!)*

Kind regards, Alex *(Thân mến, Alex)*

Vậy ta có thứ tự sắp xếp đúng là: **b-e-c-a-d**

Do đó, D là đáp án phù hợp.

Question 16 [695616]:

- a. He walked through the streets, recalling childhood memories and sensing the continuous development of his hometown.
- b. His hometown had changed a lot, with the green fields now replaced by modern high-rise buildings.
- c. Even with all the changes, Mark's love for his hometown remained unwavering.
- d. When Mark returned to his hometown after many years away, he felt both happy and nostalgic.
- e. Despite this, Mark still recognized the familiar people, who retained the kind and simple nature of the countryside.

A. b-d-a-e-c

B. d-b-e-a-c

C. e-b-a-d-c

D. a-b-d-e-c

Kiến thức về sắp xếp câu tạo thành đoạn hội thoại:

Để tạo nên một đoạn văn/lời kể/ đoạn hội thoại hoàn chỉnh, ta sắp xếp chúng sao cho phù hợp về mặt ngữ nghĩa, ngữ pháp, câu sau là sự tiếp nối về nội dung với câu trước.

⇒ Ta có cách sắp xếp hoàn chỉnh:

d. When Mark returned to his hometown after many years away, he felt both happy and nostalgic *(Khi Mark trở về quê hương sau nhiều năm xa cách, anh vừa cảm thấy vui vừa hoài niệm.)*

b. His hometown had changed a lot, with the green fields now replaced by modern high-rise buildings. *(Quê hương anh ấy đã thay đổi rất nhiều, những cánh đồng xanh giờ đây được thay thế bởi những tòa nhà cao tầng hiện đại.)*

e. Despite this, Mark still recognized the familiar people, who retained the kind and simple nature of the countryside. *(Mặc dù vậy, Mark vẫn nhận ra những người quen thuộc, những người vẫn giữ được tính cách hiền lành và giản dị của vùng quê.)*

a. He walked through the streets, recalling childhood memories and sensing the continuous development of his hometown. *(Anh ấy đi bộ qua các con phố, hồi tưởng lại những kỷ niệm thời thơ ấu và cảm nhận sự phát triển không ngừng của quê hương mình.)*

c. Even with all the changes, Mark's love for his hometown remained unwavering. *(Dù có bao nhiêu thay đổi, tình yêu của Mark dành cho quê hương vẫn không hề thay đổi.)*

Vậy ta có thứ tự sắp xếp đúng là: **d-b-e-a-c**

Do đó, B là đáp án phù hợp.

Question 17 [695617]:

- a. Another challenge is the need to adapt to independent living, which can create considerable stress as they must manage their time and finances on their own.
- b. Studying at a university far from home presents several disadvantages.
- c. However, despite these challenges, this experience helps students develop greater independence and personal growth.
- d. One significant issue is that students often feel lonely and disconnected in a new environment without their close friends.
- e. Furthermore, being away from family means lacking emotional and material support, especially during difficult times.

A. b-a-d-c-e

B. b-e-d-c-a

C. b-d-a-e-c

D. b-c-a-e-d

Kiến thức về sắp xếp câu tạo thành đoạn hội thoại:

Để tạo nên một đoạn văn/lời kể/ đoạn hội thoại hoàn chỉnh, ta sắp xếp chúng sao cho phù hợp về mặt ngữ nghĩa, ngữ pháp, câu sau là sự tiếp nối về nội dung với câu trước.

⇒ Ta có cách sắp xếp hoàn chỉnh:

b. Studying at a university far from home presents several disadvantages. *(Học tại một trường đại học xa nhà mang lại một số bất lợi.)*

d. One significant issue is that students often feel lonely and disconnected in a new environment without their close friends. (*Một vấn đề đáng kể là sinh viên thường cảm thấy cô đơn và mất kết nối trong một môi trường mới mà không có những người bạn thân thiết.*)

a. Another challenge is the need to adapt to independent living, which can create considerable stress as they must manage their time and finances on their own. (*Một thách thức khác là nhu cầu thích nghi với cuộc sống độc lập, điều này có thể tạo ra áp lực đáng kể vì họ phải quản lý thời gian và tài chính của mình một cách độc lập.*)

e. Furthermore, being away from family means lacking emotional and material support, especially during difficult times. (*Hơn nữa, việc xa gia đình đồng nghĩa với việc thiếu hỗ trợ về mặt tinh thần và vật chất, đặc biệt trong những thời điểm khó khăn.*)

c. However, despite these challenges, this experience helps students develop greater independence and personal growth. (*Tuy nhiên, mặc dù có những thách thức này, trải nghiệm này giúp sinh viên phát triển sự độc lập và trưởng thành cá nhân hơn.*)

Vậy ta có thứ tự sắp xếp đúng là: **b-d-a-e-c**

Do đó, C là đáp án phù hợp.

Read the following passage and mark the letter A, B, C or D on your answer sheet to indicate the option that best fits each of the numbered blanks from 18 to 22.

Taking selfies, a cultural phenomenon, (18) _____. A selfie is a self-portrait taken with a smartphone or camera. This trend has gained immense popularity, especially among younger generations, (19) _____. The ease of taking and sharing selfies has made them a staple in modern communication.

Selfies serve various purposes beyond just capturing images. (20) _____. Additionally, selfies can be a form of self-expression, as individuals often choose specific angles, filters, and settings to convey their mood or personality. This ability to curate one's image has led to the rise of social media influencers who rely on selfies to connect with their audiences and promote brands.

However, the selfie trend is not without its criticisms. Constantly judged by others on social media, (21) _____.

Some argue that the obsession with selfies can lead to unrealistic beauty standards and a distorted self-image.

(22) _____

BÀI DỊCH

Chụp ảnh tự sướng, một hiện tượng văn hóa, đang thay đổi cách thức mọi người ghi lại và chia sẻ khoảnh khắc. Một bức ảnh tự sướng là một bức chân dung tự chụp bằng điện thoại thông minh hoặc máy ảnh. Xu hướng này đã trở nên cực kỳ phổ biến, đặc biệt là trong giới trẻ, những người sử dụng ảnh tự sướng để thể hiện bản sắc và chia sẻ trải nghiệm của họ. Sự dễ dàng trong việc chụp và chia sẻ ảnh tự sướng đã khiến chúng trở thành một phần không thể thiếu trong giao tiếp hiện đại. Ảnh tự sướng phục vụ nhiều mục đích ngoài việc chỉ đơn giản là ghi lại hình ảnh. Nhiều người sử dụng chúng như một cuốn nhật ký hình ảnh để ghi lại những sự kiện quan trọng trong cuộc sống như kỳ nghỉ và các buổi lễ kỷ niệm. Thêm vào đó, ảnh tự sướng có thể là một hình thức thể hiện bản thân, vì mọi người thường chọn các góc chụp, bộ lọc và bối cảnh cụ thể để truyền tải tâm trạng hoặc cá tính của họ. Khả năng này trong việc tạo dựng hình ảnh cá nhân đã dẫn đến sự nổi lên của những người có sức ảnh hưởng trên mạng xã hội, những người dựa vào ảnh tự sướng để kết nối với khán giả và quảng bá thương hiệu. Tuy nhiên, xu hướng selfie cũng không thiếu những chỉ trích. Bị đánh giá liên tục bởi người khác trên mạng xã hội, các cá nhân có thể phát triển cảm giác thiếu thốn và tự ti. Một số người cho rằng sự ám ảnh với selfies có thể dẫn đến những tiêu chuẩn sắc đẹp không thực tế và một hình ảnh tự thân sai lệch. Sự tập trung quá mức vào việc chụp ảnh tự sướng hoàn hảo có thể làm giảm giá trị của những trải nghiệm thực tế, khiến các khoảnh khắc chân thực bị bỏ lỡ.

Question 18 [695618]:

- A. which transforms the way people capture and share moments
- B. in which the way people capture and share moments has changed
- C. transforming the way people capture and share moments
- D. transforms the way people capture and share moments**

Kiến thức về mệnh đề:

Xét các đáp án:

Ta nhận thấy trong câu này thiếu một động từ chính được chia theo thì của câu, vì vậy ta chọn đáp án D.

Tạm dịch: Taking selfies, a cultural phenomenon, (18) _____. (*Chụp ảnh selfie, một hiện tượng văn hóa, đang thay đổi cách mọi người chụp và chia sẻ khoảnh khắc.*)

Do đó, D là đáp án phù hợp.

Question 19 [695619]:

- A. who use selfies to express their identity and showcase their experiences**
- B. from whom the use of selfies for self-expression and showcasing experiences
- C. use selfies to express their identity and showcase their experiences
- D. express their identity and showcase their experiences through selfies

Kiến thức về mệnh đề quan hệ:

- Căn cứ vào câu đề bài đã có một động từ chính được chia theo thì của câu (has gained), vì vậy chỗ trống ta cần một mệnh đề quan hệ hoặc động từ chia theo rút gọn mệnh đề quan hệ.
⇒ Ta loại đáp án C và D. Vì nếu dùng C/D sẽ là 2 động từ cùng chia theo thì của câu - Đáp án B sai vì mệnh đề quan hệ nhưng chưa có động từ chính
⇒ Đáp án A đúng.

Tạm dịch: This trend has gained immense popularity, especially among younger generations, (19) _____. (*Xu hướng này đã trở nên cực kỳ phổ biến, đặc biệt là trong giới trẻ, những người sử dụng ảnh tự sướng để thể hiện bản sắc và chia sẻ trải nghiệm của họ.*)

Do đó, A là đáp án phù hợp.

Question 20 [695620]:

- A. Using them to create a visual diary, vacations and celebrations are significant life events for many people
- B. A visual diary of significant life events is a typical example of many people's vacations and celebrations
- C. Many people use them to create a visual diary of significant life events such as vacations and celebrations**
- D. Vacations and celebrations lead to the creation of a visual diary of many people's significant life events

Kiến thức về mệnh đề độc lập:

Xét các đáp án:

A. Sử dụng chúng để tạo ra một cuốn nhật ký hình ảnh, kỳ nghỉ và các dịp lễ hội là những sự kiện quan trọng trong cuộc sống của nhiều người.

Ta có: Khi hai mệnh đề cùng chủ ngữ, ta bỏ chủ ngữ về đầu thay bằng Ving khi câu mang nghĩa chủ động. Tuy nhiên 'vacations and celebrations' không thể là chủ ngữ của động từ "use". Từ đó ta loại A.

B. Một nhật ký hình ảnh của những sự kiện quan trọng trong cuộc sống là một ví dụ điển hình của những kỳ nghỉ và lễ kỷ niệm của nhiều người.

C. Nhiều người sử dụng chúng để tạo ra một nhật ký hình ảnh về những sự kiện quan trọng trong cuộc sống như các kỳ nghỉ và lễ kỷ niệm.

D. Các kỳ nghỉ và các buổi lễ kỷ niệm dẫn đến việc tạo ra một nhật ký hình ảnh về những sự kiện quan trọng trong cuộc sống của nhiều người.

Tạm dịch: Selfies serve various purposes beyond just capturing images. (20) _____. (Ảnh tự sướng phục vụ nhiều mục đích ngoài việc chỉ đơn giản là ghi lại hình ảnh. Nhiều người sử dụng chúng để tạo nên một cuốn nhật ký hình ảnh về những sự kiện quan trọng trong cuộc sống như kỳ nghỉ và các buổi lễ kỷ niệm.)

Do đó, C là đáp án phù hợp.

Question 21 [695621]:

- A. development of inadequacy and low self-esteem is a direct result
- B. feelings of inadequacy and low self-esteem can be experienced
- C. inadequacy and low self-esteem may be developed by individuals
- D. individuals may develop feelings of inadequacy and low self-esteem**

Kiến thức về phân từ hiện tại - phân từ hoàn thành

Căn cứ vào mệnh đề “**Constantly judged by others on social media**,” ta suy ra câu này đang dùng cấu trúc: Vp2..., S + V mà điều kiện để dùng dạng này là hai mệnh đề phải đồng chủ ngữ.

Tạm dịch: Constantly judged by others on social media (Cứ liên tục bị người khác đánh giá trên mạng xã hội), (21) _____ .

⇒ Từ đó ta suy ra "development of inadequacy and low self-esteem (sự phát triển của cảm giác thiếu thốn và lòng tự trọng thấp)", "feelings of inadequacy and low self-esteem (Cảm giác thiếu thốn và lòng tự trọng thấp)", "inadequacy and low self-esteem (Sự thiếu thốn và lòng tự trọng thấp)" không thể là chủ ngữ của "Constantly judged". Do đó ta loại A, B, C.

Tạm dịch: Constantly judged by others on social media, (21) _____. (Cứ liên tục bị người khác đánh giá trên mạng xã hội, các cá nhân có thể phát triển cảm giác không đủ và tự ti.)

Do đó, D là đáp án phù hợp.

Question 22 [695622]:

- A. Focusing too much on the perfect selfie, genuine moments may be overlooked and detracted from real-life experiences
- B. Excessive focus on the perfect selfie may detract from real-life experiences, causing genuine moments to be overlooked**
- C. Genuine moments are overlooked so that excessive focus on the perfect selfie can't be detracted from real-life experiences
- D. Upon focusing on the perfect selfie, real-life experiences may be detracted, causing genuine moments to be overlooked

Kiến thức về mệnh đề độc lập:

Xét các đáp án:

- A. Khi tập trung quá nhiều vào việc chụp ảnh tự sướng hoàn hảo, các khoảnh khắc thực tế có thể bị bỏ qua và làm giảm giá trị của những trải nghiệm thực tế.
Ta có: Khi hai mệnh đề cùng chủ ngữ, ta bỏ chủ ngữ về đầu thay bằng Ving khi câu mang nghĩa chủ động. Tuy nhiên 'genuine moments' không thể là chủ ngữ của động từ "focus". Từ đó ta loại A.
- B. Sự tập trung quá mức vào việc chụp ảnh tự sướng hoàn hảo có thể làm giảm giá trị của những trải nghiệm thực tế, khiến các khoảnh khắc chân thực bị bỏ lỡ.
- C. Các khoảnh khắc chân thực bị bỏ lỡ để sự tập trung quá mức vào ảnh tự sướng hoàn hảo không bị làm giảm giá trị từ những trải nghiệm thực tế.
- D. Khi tập trung vào việc chụp ảnh tự sướng hoàn hảo, những trải nghiệm thực tế có thể bị giảm giá trị, khiến các khoảnh khắc chân thực bị bỏ lỡ.
Ta có: Khi hai mệnh đề cùng chủ ngữ, ta bỏ chủ ngữ về đầu thay bằng Ving khi câu mang nghĩa chủ động. Tuy nhiên "real-life experiences" không thể là chủ ngữ của động từ "focus". Từ đó ta loại D.

Tạm dịch: Some argue that the obsession with selfies can lead to unrealistic beauty standards and a distorted self-image. (22) _____.

(Một số người cho rằng sự ám ảnh với việc chụp ảnh tự sướng có thể dẫn đến những tiêu chuẩn về đẹp không thực tế và một hình ảnh bản thân méo mó. Việc quá chú trọng vào việc chụp ảnh tự sướng hoàn hảo có thể làm giảm giá trị của những trải nghiệm trong cuộc sống thực, khiến những khoảnh khắc chân thật bị bỏ qua.)
Do đó, B là đáp án phù hợp.

Read the following passage and mark the letter A, B, C or D on your answer sheet to indicate the best answer to each of the following questions from 23 to 30.

Environmental protection has become a critical issue as climate change and pollution pose serious threats to our planet. Cities around the world are recognizing the urgent need for immediate action to safeguard natural resources and ensure a sustainable future. One city making significant *strides* is San Francisco, which aims to become a zero-waste city by implementing various eco-friendly initiatives.

The city plans to achieve its goal by improving waste management practices and promoting recycling and composting. By providing residents with the necessary tools and education, San Francisco encourages its citizens to reduce *their* waste properly. This approach not only minimizes landfill contributions but also conserves valuable resources and energy, thereby benefiting the environment.

Additionally, the city is investing in renewable energy sources such as solar and wind power. By transitioning to clean energy, San Francisco aims to reduce its carbon footprint and decrease *reliance* on fossil fuels. Furthermore, the local government supports initiatives to increase public transportation options, making it easier for residents to choose eco-friendly travel alternatives. While some residents prefer driving their cars, others are eager to adopt sustainable transportation methods. This investment not only reduces traffic congestion but also lowers emissions.

Ultimately, these efforts reflect a commitment to creating a cleaner and healthier environment for future generations. **By prioritizing sustainable practices and engaging the community, cities like San Francisco are setting an example for others to follow.** Protecting our environment requires collective action and dedication, ensuring that natural habitats are preserved and that everyone can enjoy a better quality of life.

Dịch bài:

Bảo vệ môi trường đã trở thành vấn đề quan trọng khi biến đổi khí hậu và ô nhiễm gây ra những mối đe dọa nghiêm trọng đối với hành tinh của chúng ta. Các thành phố trên khắp thế giới đang nhận ra nhu cầu cấp thiết phải hành động ngay lập tức để bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và đảm bảo tương lai bền vững. Một thành phố đang có những bước tiến đáng kể là San Francisco, nơi đặt mục tiêu trở thành thành phố không rác thải bằng cách triển khai nhiều sáng kiến thân thiện với môi trường.

Thành phố có kế hoạch đạt được mục tiêu của mình bằng cách cải thiện các hoạt động quản lý rác thải và thúc đẩy tái chế và ủ phân. Bằng cách cung cấp cho cư dân các công cụ và giáo dục cần thiết, San Francisco khuyến khích người dân giảm thiểu rác thải của họ đúng cách. Cách tiếp cận này không chỉ giảm thiểu lượng rác thải ra bãi chôn lấp mà còn bảo tồn các nguồn tài nguyên và năng lượng có giá trị, do đó có lợi cho môi trường.

Ngoài ra, thành phố đang đầu tư vào các nguồn năng lượng tái tạo như năng lượng mặt trời và gió. Bằng cách chuyển sang năng lượng sạch, San Francisco đặt mục tiêu giảm lượng khí thải carbon và giảm sự phụ thuộc vào nhiên liệu hóa thạch. Hơn nữa, chính quyền địa phương hỗ trợ các sáng kiến nhằm tăng các lựa chọn phương tiện giao thông công cộng, giúp cư dân dễ dàng lựa chọn các phương án đi lại thân thiện với môi trường hơn.

Trong khi một số cư dân thích lái ô tô của họ, những người khác lại mong muốn áp dụng các phương pháp giao thông bền vững. Việc này không chỉ làm giảm tình trạng tắc nghẽn giao thông mà còn giảm lượng khí thải.

Cuối cùng, những nỗ lực này phản ánh cam kết tạo ra một môi trường sạch hơn và lành mạnh hơn cho các thế hệ tương lai. Bằng cách ưu tiên các hoạt động bền vững và thu hút cộng đồng, các thành phố như San Francisco đang nêu gương cho những nơi khác noi theo. Bảo vệ môi trường của chúng ta đòi hỏi hành động tập thể và sự cống hiến, đảm bảo rằng môi trường sống tự nhiên được bảo tồn và mọi người đều có thể tận hưởng cuộc sống có chất lượng tốt hơn.

Question 23 [695623]: Which of the following is NOT mentioned as a method used by San Francisco to reduce waste?

- A. encouraging recycling and composting
- B. offering residents important tools
- C. promoting the use of reusable containers
- D. enhancing waste management practices

Điều nào sau đây KHÔNG được đề cập tới như một phương pháp được sử dụng bởi San Francisco để giảm thiểu rác thải?

- A. Khuyến khích mọi người tái chế và ủ phân
- B. Cung cấp cho dân cư những công cụ quan trọng
- C. Khuyến khích việc sử dụng thùng chứa có thể tái sử dụng
- D. Thúc đẩy việc quản lý chất thải

Căn cứ vào thông tin:

The city plans to achieve its goal by improving waste management practices and promoting recycling and composting. By providing residents with the necessary tools and education, San Francisco encourages its citizens to reduce their waste properly. (Thành phố có kế hoạch đạt được mục tiêu của mình bằng cách cải thiện các hoạt động quản lý rác thải và **thúc đẩy tái chế và ủ phân**. Bằng cách **cung cấp cho cư dân các công cụ** và giáo dục cần thiết, San Francisco **khuyến khích người dân giảm thiểu rác thải của họ đúng cách**.)

⇒ Đoạn văn đề cập tới ba phương pháp được đề cập ở đáp án A, B và D

Do đó, C là đáp án phù hợp.

Question 24 [695624]: The word *strides* in paragraph 1 is OPPOSITE in meaning to _____

- A. preventions
- B. compensations
- C. setbacks
- D. improvements

Điều nào sau đây KHÔNG được đề cập tới như một phương pháp được sử dụng bởi San Francisco để giảm thiểu rác thải?

- A. Khuyến khích mọi người tái chế và ủ phân
- B. Cung cấp cho dân cư những công cụ quan trọng
- C. Khuyến khích việc sử dụng thùng chứa có thể tái sử dụng
- D. Thúc đẩy việc quản lý chất thải

Căn cứ vào thông tin:

The city plans to achieve its goal by improving waste management practices and promoting recycling and composting. By providing residents with the necessary tools and education, San Francisco encourages its citizens to reduce their waste properly. (Thành phố có kế hoạch đạt được mục tiêu của mình bằng cách cải thiện các hoạt động quản lý rác thải và **thúc đẩy tái chế và ủ phân**. Bằng cách **cung cấp cho cư dân các công cụ** và giáo dục cần thiết, San Francisco **khuyến khích người dân giảm thiểu rác thải của họ đúng cách**.)

⇒ Đoạn văn đề cập tới ba phương pháp được đề cập ở đáp án A, B và D

Do đó, C là đáp án phù hợp.

Question 25 [695625]: The word *their* in paragraph 2 refers to _____

- A. practices
- B. residents
- C. tools
- D. resources

Từ “their” ở đoạn 2 đề cập tới _____.

- A. *practices* → *practice* /'præktɪs/ (n): hành động, thực hành
- B. *residents* → *resident* /'rezɪdənt/ (n): dân cư

C. *tools* → *tool* /tu:l/ (n): công cụ

D. *resources* → *resource* /rɪ'sɔ:s/ (n): nguồn tài nguyên

Căn cứ vào thông tin:

*By providing residents with the necessary tools and education, San Francisco encourages its citizens to reduce **their** waste properly.* (Bằng cách cung cấp cho cư dân các công cụ và giáo dục cần thiết, San Francisco khuyến khích người dân giảm thiểu rác thải của họ đúng cách.)

⇒ **their** ~ **residents**

Do đó, B là đáp án phù hợp

Question 26 [695626]: The word *reliance* in paragraph 3 could be best replaced by _____

A. concentration

B. belief

C. dependence

D. consumption

Từ “reliance” ở đoạn 3 có thể thay thế tốt nhất bằng _____.

A. *concentration* /ˌkɒnsən'treɪʃn/ (n): sự tập trung

B. *belief* /br'i:li:f/ (n): đức tin, niềm tin

C. *dependence* /dɪ'pendəns/ (n): sự phụ thuộc

D. *consumption* /kən'sʌmpʃn/ (n): sự tiêu thụ

Căn cứ vào thông tin:

*By transitioning to clean energy, San Francisco aims to reduce its carbon footprint and decrease **reliance** on fossil fuels.* (Bằng cách chuyển sang năng lượng sạch, San Francisco đặt mục tiêu giảm lượng khí thải carbon và giảm **sự phụ thuộc** vào nhiên liệu hóa thạch.)

⇒ **reliance** ~ **dependence**

Do đó, C là đáp án phù hợp

Question 27 [695627]: Which of the following best paraphrases the underlined sentence in paragraph 4?

A. Cities such as San Francisco are serving as a model for others to emulate by emphasizing sustainable practices and involving the community.

B. Cities such as San Francisco are demonstrating strategies that others might consider adopting by focusing on sustainable practices.

C. Cities like San Francisco are showcasing methods that others can learn from by implementing various environmental policies and seeking input from residents.

D. Cities such as San Francisco are presenting practices that other urban areas may want to adopt by developing urban infrastructure.

Điều nào sau đây diễn giải đúng nhất về câu được gạch chân ở đoạn 4?

Xét câu được gạch chân ở đoạn 4:

By prioritizing sustainable practices and engaging the community, cities like San Francisco are setting an example for others to follow. (Bằng cách ưu tiên các hoạt động bền vững và thu hút cộng đồng, các thành phố như San Francisco đang nêu gương cho những nơi khác noi theo.)

A. Những thành phố như San Francisco đang trở thành hình mẫu để các thành phố khác noi theo bằng cách chú trọng vào các hoạt động bền vững và thu hút cộng đồng. ⇒ Đáp án A là phù hợp vì “an example for others to follow” bằng với “a model for others to emulate”

B. Các thành phố như San Francisco đang đưa ra các chiến lược mà những thành phố khác có thể cân nhắc áp dụng bằng cách tập trung vào các hoạt động bền vững. ⇒ Đáp án B không phù hợp do thiếu thông tin

C. Các thành phố như San Francisco đang giới thiệu những phương pháp mà những nơi khác có thể học hỏi bằng cách thực hiện nhiều chính sách môi trường khác nhau và tìm kiếm ý kiến đóng góp từ người dân. ⇒ Đáp án C không phù hợp vì câu gốc không nhắc tới việc các chính sách và đóng góp của người dân

D. Các thành phố như San Francisco đang thể hiện những hoạt động mà các khu vực đô thị khác có thể muốn áp

dụng bằng cách phát triển cơ sở hạ tầng đô thị. ⇒ Đáp án D không phù hợp do câu gốc không nhắc tới việc phát triển cơ sở hạ tầng

Do đó, A là đáp án phù hợp

Question 28 [695628]: Which of the following is TRUE according to the passage?

A. San Francisco is the only city in the world taking measures to protect the environment.

B. San Francisco's initiatives aim to reduce both waste and carbon emissions.

C. Residents are discouraged from using public transportation in San Francisco.

D. The focus on sustainable practices has decreased the quality of life for citizens.

Điều nào sau đây là ĐÚNG theo đoạn văn?

A. San Francisco là thành phố duy nhất trên thế giới có những biện pháp để bảo vệ môi trường.

B. Những sáng kiến của San Francisco nhằm tới việc giảm thiểu cả rác thải và phát thải khí carbon.

C. Cư dân không được khuyến khích sử dụng phương tiện công cộng ở San Francisco

D. Việc tập trung vào các hoạt động bền vững đã làm giảm chất lượng cuộc sống của người dân.

Căn cứ vào thông tin:

One city making significant strides is San Francisco, which aims to become a zero-waste city by implementing various eco-friendly initiatives. The city plans to achieve its goal by improving waste management practices and promoting recycling and composting. (Một thành phố đang đạt được những tiến bộ đáng kể là San Francisco, với mục tiêu trở thành thành phố không rác thải bằng cách triển khai các sáng kiến thân thiện với môi trường. Thành phố dự định đạt được mục tiêu này bằng cách cải thiện các phương pháp quản lý chất thải và thúc đẩy việc tái chế cũng như ủ phân.)

Additionally, the city is investing in renewable energy sources such as solar and wind power. By transitioning to clean energy, San Francisco aims to reduce its carbon footprint and decrease reliance on fossil fuels.

Furthermore, the local government supports initiatives to increase public transportation options, making it easier for residents to choose eco-friendly travel alternatives. While some residents prefer driving their cars, others are eager to adopt sustainable transportation methods. This investment not only reduces traffic congestion but also lowers emissions. (Ngoài ra, thành phố đang đầu tư vào các nguồn năng lượng tái tạo như năng lượng mặt trời và gió. Bằng cách chuyển sang năng lượng sạch, San Francisco nhằm giảm thiểu dấu chân carbon và giảm sự phụ thuộc vào nhiên liệu hóa thạch. Hơn nữa, chính quyền địa phương hỗ trợ các sáng kiến nhằm tăng cường các lựa chọn phương tiện giao thông công cộng, giúp người dân dễ dàng lựa chọn các phương tiện di chuyển thân thiện với môi trường. Mặc dù một số cư dân ưa thích việc lái xe riêng, nhưng những người khác lại háo hức áp dụng các phương pháp giao thông bền vững. Sự đầu tư này không chỉ giảm tắc nghẽn giao thông mà còn giảm lượng khí thải.)

Do đó, B là đáp án phù hợp

Question 29 [695629]: In which paragraph does the writer mention a *contrastive relationship*?

A. Paragraph 1

B. Paragraph 2

C. Paragraph 3

D. Paragraph 4

Ở đoạn văn nào tác giả đề cập tới một mối quan hệ tương phản?

A. Đoạn 1

B. Đoạn 2

C. Đoạn 3

D. Đoạn 4

Căn cứ vào thông tin:

While some residents prefer driving their cars, others are eager to adopt sustainable transportation methods.

(Trong khi một số cư dân thích lái ô tô của họ, những người khác lại mong muốn áp dụng các phương pháp giao thông bền vững)

⇒ Mỗi quan hệ tương phản ở đây là có người thích lái ô tô riêng nhưng người khác lại muốn những phương pháp giao thông bền vững được áp dụng

Do đó, C là đáp án phù hợp

Question 30 [695630]: In which paragraph does the writer mention an example of a city striving to eliminate waste entirely?

A. Paragraph 1

B. Paragraph 2

C. Paragraph 3

D. Paragraph 4

Ở đoạn văn nào tác giả đề cập tới ví dụ của một thành phố cố gắng loại bỏ hoàn toàn rác thải?

A. Đoạn 1

B. Đoạn 2

C. Đoạn 3

D. Đoạn 4

Căn cứ vào thông tin:

Cities around the world are recognizing the urgent need for immediate action to safeguard natural resources and ensure a sustainable future. One city making significant strides is San Francisco, which aims to become a zero-waste city by implementing various eco-friendly initiatives. (Một thành phố đang có những bước tiến đáng kể là San Francisco, nơi đặt mục tiêu trở thành thành phố không rác thải bằng cách triển khai nhiều sáng kiến thân thiện với môi trường.)

⇒ a **zero-waste city** ~ **eliminate waste entirely**

Do đó, A là đáp án phù hợp

Read the following passage and mark the letter A, B, C or D on your answer sheet to indicate the best answer to each of the following questions from 31 to 40.

In many households, the responsibility for maintaining the home often falls disproportionately on mothers. This unequal distribution of chores can lead to significant stress and burnout, as they *juggle* cooking, cleaning, and caring for children. The pressure of managing these tasks single-handedly can negatively impact their mental health and overall well-being, creating an urgent need for a more equitable division of household responsibilities. Without a fair sharing of duties, resentment can build up, straining family relationships and reducing overall harmony at home.

[I] Sharing household chores offers a viable solution to alleviate this burden. [II] When tasks such as laundry, dishwashing, and grocery shopping are divided among all family members, the workload lightens for everyone involved. [III] By encouraging all members to contribute, households can cultivate an environment where everyone feels responsible for maintaining their shared space. [IV] Such collaboration also teaches children the importance of contributing to the household, as *it* instills a sense of responsibility from a young age.

Additionally, engaging in chores together provides valuable opportunities for bonding. Activities like cooking dinner as a family or cleaning the house while listening to music can transform mundane tasks into enjoyable experiences. These moments not only strengthen relationships but also teach important life skills, such as cooperation and time management, particularly to younger members of the household. Shared experiences in completing chores can become *cherished* memories that enhance family cohesion. Effective communication plays a crucial role in successfully sharing household chores. **Families should establish a clear system for dividing tasks that considers individual strengths and preferences.** Regular discussions can help ensure that everyone is on the same page and feels valued in their contributions. By fostering an open dialogue, households can create a fair and balanced approach to chores that benefits everyone involved, leading to a more harmonious home environment.

Dịch bài:

Trong nhiều hộ gia đình, trách nhiệm quán xuyến nhà cửa thường đổ lên vai các bà mẹ một cách không cân xứng. Việc phân chia công việc nhà không đồng đều này có thể dẫn đến căng thẳng và kiệt sức đáng kể khi họ phải xoay xở nấu nướng, dọn dẹp và chăm sóc con cái. Áp lực phải một mình quán xuyến những công việc này

có thể ảnh hưởng tiêu cực đến sức khỏe tinh thần và sức khỏe tổng thể của họ, tạo ra nhu cầu cấp thiết về việc phân chia công việc bằng hơn các trách nhiệm trong gia đình. Nếu không chia sẻ công việc một cách công bằng, sự oán giận có thể tích tụ, gây căng thẳng cho các mối quan hệ gia đình và làm giảm sự hòa hợp chung trong gia đình.

Chia sẻ công việc nhà là một giải pháp khả thi để giảm bớt gánh nặng này. Khi các công việc như giặt giũ, rửa bát và mua sắm thực phẩm được chia đều cho tất cả các thành viên trong gia đình, khối lượng công việc sẽ giảm bớt cho tất cả mọi người. Phương pháp hợp tác này không chỉ giúp giảm căng thẳng cho các bà mẹ mà còn thúc đẩy tinh thần làm việc nhóm trong gia đình. Bằng cách khuyến khích tất cả các thành viên đóng góp, các hộ gia đình có thể tạo ra một môi trường mà mọi người đều cảm thấy có trách nhiệm duy trì không gian chung của mình. Sự hợp tác như vậy cũng dạy cho trẻ em tầm quan trọng của việc đóng góp cho gia đình, vì nó thấm nhuần ý thức trách nhiệm ngay từ khi còn nhỏ.

Ngoài ra, cùng nhau làm việc nhà mang đến những cơ hội quý giá để gắn kết. Các hoạt động như nấu bữa tối cùng gia đình hoặc dọn dẹp nhà cửa trong khi nghe nhạc có thể biến những công việc thường ngày thành những trải nghiệm thú vị. Những khoảnh khắc này không chỉ củng cố mối quan hệ mà còn dạy các kỹ năng sống quan trọng, chẳng hạn như hợp tác và quản lý thời gian, đặc biệt là đối với các thành viên nhỏ tuổi trong gia đình. Những trải nghiệm chung khi hoàn thành công việc nhà có thể trở thành những kỷ niệm đáng trân trọng giúp tăng cường sự gắn kết gia đình.

Giao tiếp hiệu quả đóng vai trò quan trọng trong việc chia sẻ công việc nhà thành công. Các gia đình nên thiết lập một hệ thống phân chia công việc rõ ràng, cân nhắc đến sức khỏe và sở thích của từng cá nhân. Các cuộc thảo luận thường xuyên có thể giúp đảm bảo rằng mọi người đều có cùng quan điểm và cảm thấy được trân trọng trong những đóng góp của mình. Bằng cách thúc đẩy đối thoại cởi mở, các hộ gia đình có thể tạo ra cách tiếp cận công bằng và cân bằng đối với các công việc nhà có lợi cho tất cả mọi người liên quan, dẫn đến môi trường gia đình hòa thuận hơn.

Question 31 [695631]: Where in paragraph 2 does the following sentence best fit?

This collaborative approach not only reduces stress for mothers but also fosters a sense of teamwork within the family unit.

- A. [I] B. [II] **C. [III]** D. [IV]

Câu sau đây nằm ở đâu trong đoạn 2 là phù hợp nhất?

Phương pháp hợp tác này không chỉ giúp giảm căng thẳng cho các bà mẹ mà còn thúc đẩy tinh thần làm việc nhóm trong gia đình.

- A. [I] B. [II] C. [III] D. [IV]

Câu trên nói tới việc phương pháp sẽ giúp giảm căng thẳng và thúc đẩy tinh thần trong gia đình, vậy trước hoặc sau câu này phải đề cập tới phương pháp

Căn cứ vào thông tin:

[I] *Sharing household chores offers a viable solution to alleviate this burden.* [II] *When tasks such as laundry, dishwashing, and grocery shopping are divided among all family members, the workload lightens for everyone involved.* ([I] Chia sẻ công việc nhà là một giải pháp khả thi để giảm bớt gánh nặng này. [II] Khi các công việc như giặt giũ, rửa bát và mua sắm thực phẩm được chia đều cho tất cả các thành viên trong gia đình, khối lượng công việc sẽ giảm bớt cho tất cả mọi người.)

⇒ Ta thấy ở vị trí [III] là phù hợp nhất vì đã đưa ra phương pháp được nêu ở trên

Do đó, C là đáp án phù hợp

Question 32 [695632]: The word *juggle* in paragraph 1 could be best replaced by _____

- A. neglect B. divide C. restrict **D. manage**

Từ “Juggle” ở đoạn 1 có thể được thay thế tốt nhất bởi _____.

- A. *neglect* /ni'glekt/ (v): lơ
C. *restrict* /ri'strikt/ (v): hạn chế

- B. *divide* /di'vaɪd/ (v): chia
D. *manage* /'mænɪdʒ/ (v): quản lí, thu xếp

Căn cứ vào thông tin:

In many households, the responsibility for maintaining the home often falls disproportionately on mothers. This unequal distribution of chores can lead to significant stress and burnout, as they juggle cooking, cleaning, and caring for children. (Việc phân chia công việc nhà không đồng đều này có thể dẫn đến căng thẳng và kiệt sức đáng kể khi họ phải xoay xở nấu nướng, dọn dẹp và chăm sóc con cái.)

⇒ **juggle ~ manage**

Do đó, D là đáp án phù hợp

Question 33 [695633]: The word *it* in paragraph 2 refers to?

- A. **collaboration** B. importance C. household D. responsibility

Từ “it” ở đoạn 2 liên quan tới?

- A. *collaboration* /kə,læbə'reɪʃn/ (n): sự kết hợp B. *importance* /ɪm'pɔ:tns/ (n): sự quan trọng
C. *household* /'haʊshəʊld/ (n): việc nhà D. *responsibility* /rɪ,sponsə'biləti/ (n): trách nhiệm

Căn cứ vào thông tin:

Such collaboration also teaches children the importance of contributing to the household, as it instills a sense of responsibility from a young age. (Sự **hợp tác** như vậy cũng dạy cho trẻ em tầm quan trọng của việc đóng góp cho gia đình, vì nó thấm nhuần ý thức trách nhiệm ngay từ khi còn nhỏ.)

⇒ **it ~ collaboration**

Do đó, A là đáp án phù hợp

Question 34 [695634]: According to paragraph 1, which of the following is NOT a consequence of the unequal distribution of household chores?

- A. increased stress levels for mothers B. diminished harmony within the household
C. strained relationships within the family D. **financial burden on household members**

Theo đoạn 1, điều nào sau đây không phải là hậu quả của việc phân chia việc nhà không đều?

- A. Tăng mức độ căng thẳng của những người mẹ B. Sự hòa hợp trong gia đình giảm sút
C. Mọi quan hệ căng thẳng trong gia đình D. Gánh nặng tài chính cho các thành viên trong gia đình

Căn cứ vào thông tin:

In many households, the responsibility for maintaining the home often falls disproportionately on mothers. This unequal distribution of chores can lead to significant stress and burnout, as they juggle cooking, cleaning, and caring for children. The pressure of managing these tasks single-handedly can negatively impact their mental health and overall well-being, creating an urgent need for a more equitable division of household responsibilities. Without a fair sharing of duties, resentment can build up, straining family relationships and reducing overall harmony at home (Trong nhiều hộ gia đình, trách nhiệm quán xuyến nhà cửa thường đổ lên vai các bà mẹ một cách không cân xứng. Sự phân chia công việc không đều này có thể dẫn đến **căng thẳng** và kiệt sức nghiêm trọng, khi họ phải xoay xở giữa việc nấu nướng, dọn dẹp và chăm sóc con cái. Áp lực phải quán lý tất cả các công việc này một mình có thể ảnh hưởng tiêu cực đến sức khỏe tâm lý và sự cân bằng tổng thể, tạo ra nhu cầu cấp thiết về một sự phân chia công việc gia đình công bằng hơn. Nếu không có sự chia sẻ công bằng các nhiệm vụ, sự oán giận có thể tích tụ, **làm căng thẳng mối quan hệ trong gia đình** và **giảm sự hài hòa chung trong nhà**.)

⇒ Ta thấy cả 3 đáp án A, B, C đều được nhắc đến ở đoạn 1

Do đó, D là đáp án phù hợp

Question 35 [695635]: Which of the following best summarises paragraph 3?

- A. Engaging in household chores together creates enjoyable experiences that can enhance family relationships and teach children important skills.
- B. Cooking and cleaning as a family can help strengthen bonds and create cherished memories for all members.
- C. Shared chores provide opportunities for families to bond and teach valuable skills, especially to younger children, enhancing overall cohesion.**
- D. Listening to music while cleaning can make chores enjoyable, but it does not significantly impact family dynamics or learning.

Câu nào tóm tắt đoạn 3 đúng nhất?

Căn cứ vào thông tin đoạn 3:

Additionally, engaging in chores together provides valuable opportunities for bonding. Activities like cooking dinner as a family or cleaning the house while listening to music can transform mundane tasks into enjoyable experiences. These moments not only strengthen relationships but also teach important life skills, such as cooperation and time management, particularly to younger members of the household. Shared experiences in completing chores can become cherished memories that enhance family cohesion. (Ngoài ra, cùng nhau làm việc nhà mang đến những cơ hội quý giá để gắn kết. Các hoạt động như nấu bữa tối cùng gia đình hoặc dọn dẹp nhà cửa trong khi nghe nhạc có thể biến những công việc thường ngày thành những trải nghiệm thú vị. Những khoảnh khắc này không chỉ củng cố mối quan hệ mà còn dạy các kỹ năng sống quan trọng, chẳng hạn như hợp tác và quản lý thời gian, đặc biệt là đối với các thành viên nhỏ tuổi trong gia đình. Những trải nghiệm chung khi hoàn thành công việc nhà có thể trở thành những kỷ niệm đáng trân trọng giúp tăng cường sự gắn kết gia đình.)

A. Cùng nhau làm việc nhà sẽ tạo ra những trải nghiệm thú vị, có thể tăng cường mối quan hệ gia đình và dạy trẻ những kỹ năng quan trọng. ⇒ Đáp án A không phù hợp vì chưa đủ thông tin khi làm việc nhà còn “*teach important life skills*”

B. Việc nấu ăn và dọn dẹp cùng gia đình có thể giúp tăng cường mối quan hệ và tạo nên những kỷ niệm đáng trân trọng cho tất cả các thành viên. ⇒ Đáp án B không phù hợp vì “*nấu ăn và dọn dẹp*” chỉ là ví dụ cho những công việc gia đình, ngoài ra còn có thể có các công việc khác

C. Việc chia sẻ công việc nhà tạo cơ hội cho các gia đình gắn kết và dạy những kỹ năng quý giá, đặc biệt là cho trẻ nhỏ, tăng cường sự gắn kết chung. ⇒ Đáp án C đầy đủ thông tin

D. Nghe nhạc trong lúc dọn dẹp có thể khiến công việc trở nên thú vị hơn, nhưng không ảnh hưởng đáng kể đến mối quan hệ gia đình hay việc học tập. ⇒ Đáp án D không phù hợp với thông tin trong đoạn 3

Do đó, C là đáp án phù hợp

Question 36 [695636]: The word *cherished* in paragraph 3 is OPPOSITE in meaning to _____

- A. comfortable
- B. selfless
- C. unpleasant**
- D. harmonious

Từ “cherished” ở đoạn 3 trái nghĩa với _____.

- A. *comfortable* /'kʌmfɔːtəbl/ (a): thoải mái
- B. *selfless* /'selfləs/ (a): vô tư, không nghĩ tới bản thân nhiều
- C. *unpleasant* /ʌn'pleznt/ (a): không thoải mái, không vui
- D. *harmonious* /hɑː'məʊniəs/ (a): hòa thuận

Căn cứ vào thông tin:

*Shared experiences in completing chores can become **cherished** memories that enhance family cohesion.*

(Những trải nghiệm chung khi hoàn thành công việc nhà có thể trở thành những kỷ niệm **đáng trân trọng** giúp tăng cường sự gắn kết gia đình.)

⇒ **cherished** >< **unpleasant**

Do đó, C là đáp án phù hợp

Question 37 [695637]: Which of the following is TRUE according to the passage?

- A. Fathers are typically responsible for managing all household chores by themselves.
- B. Engaging in household tasks together can improve family cohesion and teach essential life skills.**
- C. Sharing household responsibilities can lead to increased stress and conflict among family members.
- D. Children do not gain any valuable skills from participating in household chores.

Điều nào sau đây là đúng theo đoạn văn?

- A. Những người cha thường phải tự mình đảm nhiệm mọi công việc nhà.
- B. Cùng nhau làm việc nhà có thể cải thiện sự gắn kết gia đình và dạy các kỹ năng sống thiết yếu.
- C. Chia sẻ trách nhiệm gia đình có thể dẫn đến tăng căng thẳng và xung đột giữa các thành viên trong gia đình.
- D. Trẻ em không học được bất kỳ kỹ năng có giá trị nào khi tham gia làm việc nhà.

Căn cứ vào thông tin:

In many households, the responsibility for maintaining the home often falls disproportionately on mothers.

(Trong nhiều hộ gia đình, trách nhiệm quán xuyến nhà cửa thường đổ lên vai các bà mẹ một cách không cân xứng.) ⇒ **Đáp án A sai**

These moments not only strengthen relationships but also teach important life skills, such as cooperation and time management, particularly to younger members of the household. Shared experiences in completing chores can become cherished memories that enhance family cohesion. (Những khoảnh khắc này không chỉ củng cố mối quan hệ mà còn dạy các kỹ năng sống quan trọng, chẳng hạn như hợp tác và quản lý thời gian, đặc biệt là đối với các thành viên nhỏ tuổi trong gia đình. Những trải nghiệm chung khi hoàn thành công việc nhà có thể trở thành những kỷ niệm đáng trân trọng giúp tăng cường sự gắn kết gia đình.) ⇒ **Đáp án B đúng, đáp án C, D sai**

Do đó, B là đáp án phù hợp

Question 38 [695638]: Which of the following best paraphrases the underlined sentence in paragraph 4?

A. Families should create a specific system for distributing tasks that takes individual strengths and preferences into account.

- B. Families need to develop a flexible approach to sharing responsibilities that consider individual skills and preferences.
- C. Families should implement an informal method for allocating tasks based on general opinions rather than individual strengths.
- D. Families must prioritize a random system for assigning chores without considering personal strengths and preferences.

Câu nào sau đây có thể diễn giải câu được gạch chân ở đoạn 4 đúng nhất?

Xét câu được gạch chân ở đoạn 4:

Families should establish a clear system for dividing tasks that considers individual strengths and preferences.

(Các gia đình nên thiết lập một hệ thống phân chia công việc rõ ràng, cân nhắc đến sức khỏe và sở thích của từng cá nhân.)

- A. Các gia đình nên tạo ra một hệ thống cụ thể trong việc phân chia công việc có cân nhắc đến sức khỏe và sở thích của từng cá nhân. ⇒ Đáp án A phù hợp vì “create” bằng với “establish”
- B. Các gia đình cần phát triển một cách tiếp cận linh hoạt để chia sẻ trách nhiệm, xem xét đến các kỹ năng và sở thích cá nhân. ⇒ Đáp án B không phù hợp vì câu gốc nói rằng “cần phải có một hệ thống rõ ràng” chứ “không phải tiếp cận linh hoạt”
- C. Các gia đình nên áp dụng một phương pháp không chính thức để phân bổ nhiệm vụ dựa trên ý kiến chung thay vì sức khỏe của cá nhân. ⇒ Đáp án C không phù hợp với câu gốc
- D. Các gia đình phải ưu tiên một hệ thống ngẫu nhiên để phân công việc mà không xem xét đến thể mạnh và sở thích cá nhân. ⇒ Đáp án D không phù hợp với câu gốc

Do đó, A là đáp án phù hợp

Question 39 [695639]: Which of the following can be inferred from the passage?

- A. Families that fail to communicate regularly are less likely to manage their household tasks efficiently and effectively.
- B. Frequent discussions help foster an environment where family members feel obligated to participate in household chores.
- C. Family members who feel undervalued in their contributions are more likely to become disengaged from household responsibilities.

D. Regular discussions can help ensure that all family members are aligned and appreciate the significance of their contributions.

Điều nào sau đây có thể được suy ra từ đoạn văn?

- A. Những gia đình không giao tiếp thường xuyên ít có khả năng quản lý công việc nhà một cách hiệu quả.
- B. Các cuộc thảo luận thường xuyên giúp thúc đẩy một môi trường mà các thành viên trong gia đình cảm thấy có nghĩa vụ phải tham gia vào các công việc gia đình.
- C. Các thành viên trong gia đình cảm thấy không được coi trọng trong những đóng góp của họ có nhiều khả năng trở nên tách biệt khỏi các trách nhiệm gia đình.
- D. Các cuộc thảo luận thường xuyên có thể giúp đảm bảo rằng tất cả các thành viên trong gia đình đều thống nhất và đánh giá cao tầm quan trọng của những đóng góp của họ

Căn cứ vào thông tin:

Regular discussions can help ensure that everyone is on the same page and feels valued in their contributions.

(Các cuộc thảo luận thường xuyên có thể giúp đảm bảo rằng mọi người đều có cùng quan điểm và cảm thấy được trân trọng trong những đóng góp của mình)

Do đó, D là đáp án phù hợp

Question 40 [695640]: Which of the following best summarises the passage?

A. The division of household chores often falls unfairly on mothers, leading to stress and a need for equitable sharing among family members to improve well-being.

- B. Families should implement a strict system for dividing chores, ensuring that all tasks are managed effectively by individual strengths and preferences.
- C. Sharing responsibilities in household chores fosters teamwork, enhances family bonds, and provides opportunities for children to learn important life skills.
- D. Effective communication and cooperation in managing household tasks are essential for creating a harmonious environment and reducing conflict within families.

Tuyệt vời, đây là nội dung đã được gỡ lại và định dạng:

Điều nào sau đây tóm tắt đúng nhất về đoạn văn?

- A. Việc phân chia công việc nhà thường không công bằng với các bà mẹ, dẫn đến căng thẳng và nhu cầu chia sẻ công bằng giữa các thành viên trong gia đình để cải thiện hạnh phúc.
- B. Các gia đình nên áp dụng một hệ thống phân chia công việc nhà nghiêm ngặt, đảm bảo rằng mọi nhiệm vụ đều được quản lý hiệu quả theo thể mạnh và sở thích của từng cá nhân.
- C. Chia sẻ trách nhiệm trong công việc nhà thúc đẩy tinh thần đồng đội, tăng cường mối quan hệ gia đình và tạo cơ hội cho trẻ em học các kỹ năng sống quan trọng.
- D. Giao tiếp và hợp tác hiệu quả trong việc quản lý công việc nhà là điều cần thiết để tạo ra một môi trường hòa thuận và giảm xung đột trong gia đình.

Căn cứ vào thông tin:

In many households, the responsibility for maintaining the home often falls disproportionately on mothers. This unequal distribution of chores can lead to significant stress and burnout (Trong nhiều hộ gia đình, trách nhiệm quán xuyến nhà cửa thường đổ lên vai các bà mẹ một cách không cân xứng. Việc phân chia công việc nhà không đồng đều này có thể dẫn đến căng thẳng và kiệt sức đáng kể)

Sharing household chores offers a viable solution to alleviate this burden (Chia sẻ công việc nhà là một giải pháp khả thi để giảm bớt gánh nặng này)

Additionally, engaging in chores together provides valuable opportunities for bonding. (Ngoài ra, cùng nhau làm việc nhà mang đến những cơ hội quý giá để gắn kết)

Do đó, A là đáp án phù hợp

----- THE END -----